

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v: Ly hôn giữa
Chị C và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Phạm Thế Quang

Bà: Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C – sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Hoàng Trung T – sinh năm 1985.

Địa chỉ: xóm 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị C, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019 được bổ sung tại bản khai ngày 09 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị C và anh Hoàng Trung T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 20/01/2010. Sau khi cưới vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách sống không hợp nhau. Mặt khác cưới nhau đã lâu không có con chung nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, khoảng tháng 3/2019 chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T. Chị có đơn xin xét xử vắng mặt

Về con chung: chị và anh T chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Trung T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã tiến hành đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh qua mẹ anh theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị V là mẹ đẻ anh T cũng có lời khai xác nhận anh T và chị C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X khoảng cuối năm 2009 âm lịch. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do cưới nhau đã hơn 10 năm mà không có con. Trước đây anh T không đồng ý ly hôn nhưng nay anh T nói nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí. Bà V đề nghị mong anh chị đoàn tụ còn không thì Tòa án xử lý theo pháp luật. Bà khẳng định anh chị chưa có con chung. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà đều giao và thông báo cho anh T biết.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự và đề nghị giải quyết cho chị C ly hôn anh T. Án phí ly hôn chị C nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị C theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị Trần Thị C và anh Hoàng Trung T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị mâu thuẫn bất đồng chủ yếu do cách cư xử của vợ chồng với nhau, mặt khác vợ chồng chung sống đã hơn 10 năm không có con cho nên quan hệ vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được vì chị kiên quyết xin ly hôn, anh không có thiện chí vun vén đoàn tụ, không hợp tác với Tòa án khi Tòa án tổ

chức hòa giải, nhưng thông qua mẹ anh xác định nhất trí ly hôn nếu chị C kiên quyết ly hôn. Do vậy chị C xin ly hôn anh T sẽ được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về con chung: anh chị không có con chung nên không xem xét

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Hoàng Trung T.

2. Về án phí: chị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001503 ngày 24 tháng 4 năm 2019.

Báo cho chị C, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh